TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHIÊM HÓA** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2020/HS-ST
Ngày 04- 9- 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HÓA, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phúc An Hoành**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Hoàng Văn Tấn**

2. Ông **Lý Văn Tòng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hà Thị Vân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Vương** - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 45/2020/TLST-HS ngày 29/7/2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2020/QĐXXST-HS ngày 21/8/2020 đối với bị cáo:

BÀN VĂN L, tên gọi khác: Không; sinh ngày 21/10/1993 tại huyện C, tỉnh T;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, chỗ ở hiện nay: Thôn Y, xã P, huyện C, tỉnh T; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 09/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bàn Văn H và bà Bàn Thị H1; anh, chị, em ruột: Có 04 người, bị cáo là thứ 03; vợ, con: Chưa có;

Tiền sự: Không;

Tiền án:

- Bản án số: 51/2016/HSST/2017 ngày 28/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T xử phạt 02 năm 02 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy;

- Bản án số: 69/2016 ngày/HSST ngày 30/12/2016 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, tổng hợp hình phạt tại bản án số: 51/2016/HSST ngày 28/9/2016 buộc Bàn Văn L phải chịu 03 năm 05 tháng tù; ngày 27/01/2019 chấp hành xong hình phạt tù;

Bị cáo tại ngoại, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, *có mặt tại phiên tòa*.

Người bào chữa cho bị cáo Bàn Văn L: Bà Vũ Thanh Thủy, trợ giúp viên pháp lý Nhà nước thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Tuyên Quang, *có mặt tại phiên tòa*.

Bị hại: Ông Mạc Văn G, sinh năm 1969; nghề nghiệp: Làm ruộng; nơi cư trú: Thôn B, xã P, huyện C, tỉnh T, *có mặt*

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Nguyễn Hồng G; nghề nghiệp: Lao động tự do, sinh năm 1981; nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện C, tỉnh T, *có mặt.*

Người làm chứng*: Cháu Mạc Minh K, sinh này 21/12/2011*; nơi cư trú: Thôn B, xã P, huyện C, tỉnh T, *có mặt. Người đại diện cho người làm chứng: Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1977*; nơi cư trú: Thôn B, xã P, huyện C, tỉnh T, *có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 01/4/2020, Bàn Văn L (đã có tiền án chưa được xóa án tích), đến nhà Mạc Văn G chơi. Đến nơi L thấy nhà đóng cửa, L gọi *"Bố G ơi"* nhiều lần nhưng không thấy ai trả lời, nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để chi têu cá nhân. L đi ra phía nhà bếp thấy cửa bếp không khóa nên L đi vào trong bếp rồi đi lên nhà chính, lấy trộm được 01 điện thoại nhãn hiệu HUAWEI VISION loại màn hình cảm ứng và số tiền 31.000 đồng để trên kệ ti vi cất vào túi quần bên trái đang mặc. Sau đó L tiếp tục xuống bếp lấy trộm 01 điện thoại di động nhãn hiệu LG loại X5 tại bàn ăn trong nhà bếp cất vào túi quần bên phải đang mặc sau đó đi ra ngoài theo cửa bếp phía sau như lúc đi vào.

Khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, L đem chiếc điện thoại nhãn hiệu LG loại X5 trộm cắp được đến cửa hàng điện thoại của Nguyễn Hồng G, tại thôn Đ, xã N, huyện C bán được 350.000 đồng *(G không biết điện thoại do L trộm cắp được)*. Khoảng 17 giờ cùng ngày, L đến nhà Đặng Văn T, sinh năm 1997, trú tại thôn Nà L, xã P, huyện C, nhờ T bán hộ chiếc điện thoại nhãn hiệu HUAWEI VISION trộm cắp trước đó *(T không biết điện thoại do L trộm cắp được)*. T cầm máy đi khoảng 01 giờ (không xác định được bán cho ai) quay lại đưa cho L 200.000 đồng. Toàn bộ số tiền bán điện thoại 550.000 đồng và 31.000 đồng trộm cắp được L đã chi tiêu cá nhân hết.

Bản kết luận định giá tài sản số 29/KL-HĐĐGTS ngày 27/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Chiêm Hóa, kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu LG loại X5, vỏ màu xanh, sản xuất năm 2018, điện thoại đã qua sử dụng từ tháng 1/2020 có giá trị là: 1.000.000 đồng. Không định giá được đối với 01 điện thoại di động, nhãn hiệu HUAWEI VISION vỏ màu trắng, điện thoại cũ đã qua sử dụng từ năm 2018 do không đủ cơ sở thẩm định giá *(lý do không còn hiện vật, không có hồ sơ giấy tờ mua bán điện thoại, khảo sát thực tế hiện tại trên thị trường không có bán loại điện thoại nhãn hiệu HUAWEI VISION)*.

Cáo trạng số: 45/CT-VKSCH ngày 28/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang truy tố bị cáo Bàn Văn L về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang giữ nguyên quyết định truy tố về tội danh, điều luật đã nêu trong Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Đề nghị tuyên bố bị cáo Bàn Văn L phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Về hình phạt chính: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Bàn Văn L từ 09 tháng đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày vào trại chấp hành án.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có tài sản riêng, thuộc hộ nghèo, dân tộc thiểu số, sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung.

Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại đã được trả lại tài sản và được bồi thường thiệt hại về tài sản không có yêu cầu bị cáo bồi thường thêm nên không đề nghị xem xét. Số tiền bị cáo bán điện thoại nhãn hiệu LG loại X5 trộm cắp được cho Nguyễn Hồng G được 350.000 đồng trước khi mở phiên tòa bị cáo đã tự nguyện thanh toán cho Nguyễn Hồng G xong, nên không đề nghị xem xét.

Về vật chứng vụ án: Các tài sản chiếc điện thoại LG loại X5 của ông G đã được cơ quan điều tra thu giữ trả lại cho ông G; chiếc điện thoại HUAWEI VISION không thu hồi được nhưng được bị cáo bồi thường bằng giá trị tài sản, nên không phải xem xét.

Đề nghị buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo bản án của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Bàn Văn L xác định ngày 01/4/2020 bị cáo L đã có hành vi trộm cắp tài sản của gia đình ông Mạc Văn G, trị giá tài sản là 1.231.000 đồng, bị cáo có 01 tiền án chưa được xóa án tích mà vi phạm nên việc xét xử là đúng quy định. Bị cáo thành khẩn khai báo, là hộ nghèo, dân tộc thiểu số sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, nhận thức, trình độ văn hóa hạn chế, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, có ông nội Bàn Văn H2 có thành tích được tặng thưởng Huân chương kháng chiến. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Bàn Văn L ở mức thấp nhất điều luật quy định.

Tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu, không có ý kiến tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát; nhất trí nội dung bào chữa của người bào chữa cho bị cáo, không bổ sung gì thêm.

Nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức án cho bị cáo.

Lời khai của bị hại ông Mạc Văn G xác định đã mất tài sản là 02 điện thoại di động và số tiền 31.000 đồng, tổng giá trị tài sản là 1.231.000 đồng, đã nhận lại tài sản và giá trị tài sản trong giai đoạn điều tra, tài sản không bị hư hỏng không yêu cầu bị cáo bồi thường về tài sản và công truy tìm tài sản. Về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, ông đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Hồng G xác định khoảng 14 giờ 30 phút ngày 01/4/2020, được mua của Bàn Văn L 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu LG loại X5, vỏ màu xanh với giá là 350.000 đồng, khi mua không biết tài sản do bị cáo L trộm cắp mà có, đã thanh toán tiền cho bị cáo L. Trước khi mở phiên tòa bị cáo L đã tự nguyện thanh toán trả cho ông số tiền 350.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Chiêm Hóa, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Qúa trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp, phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên toà cũng như tại Cơ quan điều tra, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng truy tố. Lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án phù hợp với nhau, phù hợp các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 14 giờ ngày 01/4/2020, Bàn Văn L đã có hành vi trộm cắp 01 điện thoại di động nhãn hiệu LG loại X5 trị giá 1.000.000 đồng; tiền mặt 31.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI VISION không định giá được, nhưng giá thực tế bị cáo bán là 200.000 đồng của Mạc Văn G, trú tại thôn B, xã P, huyện C, tỉnh T. Tổng giá tài sản trộm cắp là 1.231.000đ *(Một triệu hai trăm ba mươi mốt nghìn đồng)*. Mặc dù tài sản bị cáo trộm cắp có giá trị dưới 2.000.000 đồng nhưng do bị cáo đã có tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích mà tiếp tục vi phạm, do đó việc xử lý hình sự đối với bị cáo là cần thiết. Đủ cơ sở xác định hành vi của bị cáo đã cấu thành tội trộm cắp tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, do đó phải chịu trách nhiệm đối với hành vi phạm tội của mình. Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất ổn định an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương, vi phạm pháp luật Nhà nước.

Bị cáo có nhân thân xấu, Bản án số: 51/2016/HSST/2017 ngày 28/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T xử phạt 02 năm 02 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Bản án số: 69/2016 ngày/HSST ngày 30/12/2016 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, tổng hợp hình phạt tại bản án số: 51/2016/HSST ngày 28/9/2016 buộc Bàn Văn L phải chịu 03 năm 05 tháng tù. Ngày 27/01/2019 chấp hành xong hình phạt tù. Bản án về tội trộm cắp tài sản là yếu tố định tội với bị cáo; bản án về tội tàng trữ trái phép chất ma túy là yếu tố tăng năng trách nhiệm hình sự "tái phạm theo đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là "*người phạm tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả*", "*người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn ăn hối cải*", "*bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo*", "*dân tộc thiểu số, sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, có ông nội Bàn Văn H2 được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất, hạng ba*" theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm chung; nội dung buộc tội, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa và người tham gia tố tụng khác thấy: Bị cáo có nhân thân xấu, đã bị xử phạt tù, chấp hành án nhưng không ăn năn hối cải, tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, do đó cần phải áp dụng biện pháp cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, như vậy mới đủ sức răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo đồng thời thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[4] Về vật chứng vụ án: Các tài sản của bị hại Mạc Văn G đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang thu hồi trả lại một phần; phần không thu hồi được đã được bị cáo bồi thường bằng giá trị tài sản, nên không phải xem xét.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại đã nhận lại được một phần tài sản, tài sản không bị hư hỏng, không yêu cầu bị cáo bồi thường về giá trị; 01 chiếc điện thoại không thu hồi được đã được bị cáo bồi thường bằng giá trị, do vậy không xem xét.

Đối với việc bán điện thoại cho Nguyễn Hồng G, được G thanh toán tiền 350.000 đồng, trước khi mở phiên tòa bị cáo L đã tự nguyền thanh toán 350.000 đồng cho Nguyễn Hồng G, nên không phải xem xét.

[6] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Xét thấy bị cáo không có tài sản riêng, thuộc hộ nghèo, sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, nên không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

[7] Về truy thu tiền do phạm tội mà có: Sau khi trộm cắp được điện thoại di động bị cáo L mang điện thoại đến bán cho Nguyễn Hồng G 01 điện thoại di động nhãn hiệu LG loại X5 được 350.000 đồng, xét thấy tiền này có được do từ bán tài sản do phạm tội mà có; trong giai đoạn điều tra, cơ quan điều tra đã thu hồi điện thoại trả cho chủ sở hữu, số tiền này bị cáo đã thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoàn trả cho Nguyễn Hồng G, do vậy không cần thiết truy thu sung Ngân sách Nhà nước.

[8] Đối với Đặng Văn T, sinh năm 1997, trú tại thôn N, xã P, huyện C, tỉnh T ngày 01/4/2020 đã có hành vi bán chiếc điện thoại nhãn hiệu HUAWEI VISION do bị cáo L trộm cắp (theo bị cáo L xác định không nói cho T biết là tài sản trộm cắp). Trong giai đoạn điều tra, T vắng mặt tại địa phương, không có căn cứ xác định, xử lý đối với Đặng Văn T.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; các Điều 135, 136, 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Bàn Văn L phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt Bàn Văn L, 10 (*Mười*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày vào trại chấp hành án.

Bàn Văn L phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 04/9/2020.

Nơi nhận:
- Bị cáo, bị hại, người có QLNVLQ;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- CQCSĐT CA huyện Chiêm Hóa;
- CQTHAHS CA huyện Chiêm Hóa;
- Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa;
- Bộ phận HSNV CA huyện Chiêm Hóa;
- Sở tư pháp;
- Hồ sơ THAHS;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phúc An Hoành